

Bản án số:12/2022/HS-ST

Ngày 05 - 8 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đức Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Xuân Cẩn và ông Ma Quang Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Đàm Như Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 21 tháng 02 năm 1990, tại huyện X, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn L, huyện X, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn H1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1959; có vợ là Nguyễn Thị H3, sinh năm 1996 và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2021; anh chị em ruột: Có 07 người, bị cáo là thứ năm.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Họ và tên: **Nguyễn Văn M** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 28 tháng 8 năm 1982, tại huyện X, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn L, huyện X, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1945; có vợ là Nguyễn Thị Q1, sinh năm 1982 và

có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2004; anh chị em ruột: Có 07 người, bị cáo là thứ sáu.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Lại Khoa L, Trợ giúp viên pháp lý -Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

- *Bị hại:* Ông Quan Văn H4, sinh năm 1961; Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn L, huyện X, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Hà Văn Q, sinh năm 1968; Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã P, huyện X, tỉnh Tuyên Quang. Tạm trú: Tổ dân phố N, thị trấn L, huyện X, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

+ Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn C, xã R, huyện X, tỉnh Tuyên Quang, *Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.*

+ Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1959; Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn L, huyện X, tỉnh Tuyên Quang, *Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2019, ông Quan Văn H4, trú tại Tổ dân phố B, thị trấn L, huyện X, tỉnh Tuyên Quang, có mua một máy xới đất, loại máy mini, màu đỏ đen, ký hiệu 186 FA tại Cửa hàng bán máy nông nghiệp ở thị trấn V, huyện U, tỉnh Hà Giang (*không xác định được tên, địa chỉ cửa hàng*) với giá 12.000.000 đồng, rồi đem về sử dụng. Khoảng tháng 02/2022, sau khi sử dụng máy để làm đất cấy vụ lúa Đông Xuân, ông H4 đưa máy lên góc bờ ruộng lấy 02 đoạn cây gỗ kê bên dưới rồi phủ bạt lên trên tại cánh đồng tổ dân phố B.

Đầu tháng 3/2022, Nguyễn Văn T, trú tại tổ dân phố B, thị trấn L đi xem nước ruộng thì thấy máy xới đất trên, nên nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền. Khoảng 15 giờ, ngày 11/3/2022, Nguyễn Văn M, trú tại tổ dân phố N, thị trấn L (*là anh rể của T*) đến nhà T chơi, trong quá trình nói chuyện T rủ M tối cùng ngày đi trộm máy xới đất trên bán sắt vụn lấy tiền chia nhau, thì M đồng ý rồi đi về. Khoảng 21 giờ cùng ngày, M một mình đi bộ đến nhà T để cùng đi trộm chiếc máy xới đất như đã bàn bạc trước đó. T cầm theo 02 cò lê, 01 mỏ lết, M cầm theo 02 bao tải màu nâu ở sân nhà T và T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại ElegantS, màu đỏ đen, biển kiểm soát 22B1-279.20, là xe của bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1959, trú tại tổ dân phố B, thị trấn L (mẹ của T) chở M đến đoạn đường khu vực Th, thuộc tổ dân phố B, thị trấn L thì dừng xe tại lè

đường bên trái theo hướng di chuyển và quay đầu xe lại, trên đường đi M có nói với T nếu lấy được máy xới đất thì đem đến nhà ông Hà Văn Q chuyên thu mua sắt vụn để bán. Sau đó hai người đi bộ đến vị trí để máy xới đất, cùng nhau tháo bít phủ trên máy, M sử dụng điện thoại di động của mình bật đèn flash soi cho T dùng cờ lê, mỏ lết mang theo tháo các bộ phận của máy xới đất ra bao gồm: 01 bộ đầu nổ, 01 hộp số, 02 bánh lồng, 02 tay cầm và cùng nhau để vào hai bao tải mà M đã mang theo. Hai người lấy một đoạn cây làm đòn khiêng và khiêng từng bao đến vị trí để xe máy. Sau đó M ngồi sau giữ bao tải, T điều khiển xe vận chuyển làm hai chuyến, rồi đi thẳng đến nhà anh Hà Văn Q, trú tại thôn Phiêng Tạ, xã Phúc Sơn, huyện X, hiện đang tạm trú tại tổ dân phố N, thị trấn L bán được số tiền 900.000 đồng. Bán xong, trên đường về T và M chia nhau mỗi người 450.000 đồng rồi về nhà. Khoảng 08 giờ ngày 12/3/2022, anh Đỗ Văn C, trú tại thôn c, xã R, huyện X, đến nhà anh Q để thu mua lại phế liệu, sắt vụn mà anh Q đã thu gom được, trong đó có hai bao tải đã mua của T và M.

Khoảng 16 giờ, ngày 12/3/2022, ông Hộ đi xem nước ruộng, phát hiện máy xới đất trên bị mất. Sau đó, gia đình ông Hộ đã tìm kiếm nhưng không thấy. Ngày 24/3/2022, ông Hộ đã trình báo với Công an thị trấn L. Qua kiểm tra, xác minh Công an thị trấn L đã tạm giữ được các bộ phận của máy xới đất trên tại nhà anh Đỗ Văn C.

Kết luận định giá tài sản số: 05/KL-ĐGTS ngày 28/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lâm Bình (thời điểm định giá tháng 3/2022), kết luận: 01 máy xới đất mini, màu đỏ đen, trên máy có ký hiệu 186FA, máy cũ, đã qua sử dụng có giá trị 7.200.000 đồng.

* Về vật chứng:

+ Đã tạm giữ 01 máy xới đất mini màu đỏ đen, trên máy có ký hiệu 186FA, máy đã tháo rời các bộ phận, tình trạng máy cũ đã qua sử dụng. Các bộ phận bị tháo rời gồm: 01 đầu nổ, màu đỏ đen, trên đầu máy nổ có ký hiệu số 186FA, IOS9001 certification; 01 hộp số màu đỏ; 02 bánh lồng bằng kim loại, kích thước (40x56) cm; 02 tay cầm máy xới đất màu đỏ, một đầu được bọc bằng cao su đen.

+ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, nhãn hiệu SAMSUNG, điện thoại cũ, đã qua sử dụng của Nguyễn Văn M.

+ 01 xe mô tô, nhãn hiệu SYM, loại ElegantS, màu đỏ đen, biển số 22B1-279.20; 01 đăng ký xe mô tô số 027266 do công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 26/7/2012 mang tên Nguyễn Văn T.

+ 01 cờ lê 14 bằng kim loại, dài 18cm, trên thân một mặt có chữ “14 CHROME - VANADIUM 14”, cờ lê cũ, đã qua sử dụng.

+ 01 cờ lê 19, dài 23cm, trên thân một mặt có chữ “19 CHROME – VANADIUM 19”, cờ lê cũ, đã qua sử dụng.

+ 01 mỏ lết bằng kim loại, dài 25cm, trên tay cầm một mặt có chữ “FOFGED STEEL”, một mặt ký hiệu “10-250mm”, mỏ lết cũ, đã qua sử dụng.

Đối với 02 bao tải màu nâu đựng các bộ phận của máy xới đất, đã bị rách Đỗ Văn C đã đốt, nên không thu hồi được.

Ngày 11/5/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Bình đã trả lại chiếc máy xới đất trên cho ông Quan Văn H4.

* Về dân sự: Ngày 26/3/2022, bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M đã tự nguyện bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả số tiền 5.000.000 đồng cho bị hại ông Quan Văn H4, ông H không có yêu cầu đề nghị gì thêm. Ông Hà Văn Q, Đỗ Văn C không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 08/CT-VKSLB ngày 23/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các Điều 58, 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, điện thoại cũ, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Văn M.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 cờ lê 14 bằng kim loại, dài 18cm, trên thân một mặt có chữ “14 CHROME - VANADIUM 14”, cờ lê cũ, đã qua sử dụng.

+ 01 cờ lê 19, dài 23cm, trên thân một mặt có chữ “19 CHROME - VANADIUM 19”, cờ lê cũ, đã qua sử dụng.

+ 01 mỏ lết bằng kim loại, dài 25cm, trên tay cầm một mặt có chữ “FOFGED STEEL”, một mặt ký hiệu “10-250mm”, mỏ lết cũ, đã qua sử dụng.

- Trả lại bà Nguyễn Thị H2 01 xe mô tô, nhãn hiệu SYM, loại ElegantS, màu đỏ đen, biển số 22B1-279.20; 01 đăng ký xe mô tô số 027266 do công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 26/7/2012 mang tên Nguyễn Văn T.

Đối với hành vi Nguyễn Văn T sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 22B1-279.20 của bà Nguyễn Thị H2 vào việc trộm cắp tài sản, bà H2 không biết nên không xem xét xử lý.

Đối với ông Hà Văn Q, Đỗ Văn C khi mua hai bao tải đựng các bộ phận của máy xới đất trên, cả hai người không biết là tài sản do trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận:

Trợ giúp viên pháp lý, bào chữa cho các bị cáo trình bày luận cứ: Nhất trí với nội dung bản Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng, các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc diện hộ nghèo; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị và cho hưởng án treo cải tạo tại địa phương.

Kết thúc phản tranh luận, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, nhất trí với quan điểm bào chữa của người bào chữa và không có ý kiến tranh luận gì. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử mức án nhẹ nhất và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Bình, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về áp dụng pháp luật: Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ ngày 11/3/2022, tại cánh đồng thuộc tổ dân phố B, thị trấn L, huyện X, Nguyễn Văn T, trú tại tổ dân phố B, thị trấn L và Nguyễn Văn M, trú tại tổ dân phố N, thị trấn L đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 máy xới đất của ông Quan Văn H4, trú tại tổ dân phố B, thị trấn L có giá trị 7.200.000 đồng. Do vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình truy tố các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động, thích hưởng thụ, coi thường pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện tội phạm dưới hình thức đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn.

Xét vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo T là người khởi sự, rủ rê bị cáo M, chuẩn bị công cụ, phương tiện, thực hành tích cực hành vi trộm cắp tài sản, mang tài sản đi tiêu thụ nên bị cáo giữ vai trò chính và cao nhất trong vụ án.

Bị cáo M khi được bị cáo T rủ đi trộm cắp tài sản, đã đồng ý, mang theo 02 bao tải để đựng tài sản trộm cắp, soi đèn cho bị cáo T tháo rời các bộ phận của máy xới đất, chủ động trong việc xác định địa điểm mang tài sản đi bán sau khi trộm cắp được, trực tiếp bán tài sản trộm cắp và chia tiền. Tuy nhiên tính chất, vị trí, vai trò của bị cáo trong vụ án là thứ yếu và thấp hơn bị cáo T.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả cho bị hại; các bị cáo là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc diện hộ nghèo, trình độ văn hóa thấp, nhận thức pháp luật còn có những hạn chế nhất định; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M đều có nhân thân tốt, có

nơi cư trú ổn định, rõ ràng; nhất thời phạm tội, là lao động chính trong gia đình, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng do vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo và giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt cho xã hội, đồng thời đảm bảo công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc diện hộ nghèo, không có tài sản có giá trị lớn, thu nhập chủ yếu từ nông nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 26/3/2022, bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M đã tự nguyện bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả số tiền 5.000.000 đồng cho bị hại ông Quan Văn H4 (mỗi bị cáo đã bồi thường 2.500.000đ) về tiền công đi tìm máy xới đất và thu nhập bị giảm trong thời gian mất máy, ông H4 không yêu cầu gì thêm. Do đó cần ghi nhận việc các bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Hà Văn Q, Đỗ Văn C không có yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Vật chứng:

Đối với 01 máy xới đất mini màu đỏ đen, trên máy có ký hiệu 186FA, máy đã tháo rời các bộ phận, tình trạng máy cũ đã qua sử dụng. Các bộ phận bị tháo rời gồm: 01 đầu nổ, màu đỏ đen, trên đầu máy nổ có ký hiệu số 186FA, IOS9001 certification; 01 hộp số màu đỏ; 02 bánh lồng bằng kim loại, kích thước (40x56)cm; 02 tay cầm máy xới đất màu đỏ, một đầu được bọc bằng cao su đen. Ngày 11/5/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Bình đã trả lại chiếc máy xới đất trên cho ông Quan Văn H4, ông H4 không có ý kiến, đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 02 bao tải chứa các bị cáo dùng để đựng tài sản trộm cắp không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

Đối với 02 cờ lê, 01 mỏ lết của Nguyễn Văn T là công cụ phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô biển số 22B1 - 279.20; 01 đăng ký xe mô tô, xét thấy đây là tài sản của bà Nguyễn Thị H2, hành vi bị cáo Nguyễn Văn T sử dụng xe mô tô trên vào việc trộm cắp tài sản, bà H2 không biết nên cần trả lại cho bà H2.

Đối với 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, nhãn hiệu SAMSUNG, điện thoại cũ, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn M là tang vật dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 900.000đ bị cáo T đã tạm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Bình, trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8]. Về án phí, quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự, hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 58, 65 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/8/2022).

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn M 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/8/2022).

Giao các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68, khoản 2 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự;

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T đã tự nguyện bồi thường cho bị hại ông Quan Văn H4, trú tại: Tổ dân phố B, thị trấn L, huyện X, tỉnh Tuyên Quang số tiền 5.000.000đồng (trong đó bị cáo T bồi thường số tiền là 2.500.000đ, bị cáo M bồi thường số tiền là 2.500.000đ).

3. Vật chứng: Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, nhãn hiệu SAMSUNG, điện thoại cũ, đã qua sử dụng của Nguyễn Văn M.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 cờ lê 14 bằng kim loại, dài 18cm, trên thân một mặt có chữ “14 CHROME - VANADIUM 14”, cờ lê cũ, đã qua sử dụng.

+ 01 cờ lê 19, dài 23cm, trên thân một mặt có chữ “19 CHROME - VANADIUM 19”, cờ lê cũ, đã qua sử dụng.

+ 01 mỏ lết bằng kim loại, dài 25cm, trên tay cầm một mặt có chữ “FOFGED STEEL”, một mặt ký hiệu “10-250mm”, mỏ lết cũ, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị H2 01 xe mô tô, nhãn hiệu SYM, loại ElegantS, màu đỏ đen, biển số 22B1-279.20; 01 đăng ký xe mô tô số 027266 do công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 26/7/2012, mang tên Nguyễn Văn T.

Trả lại cho Nguyễn Văn T số tiền 900.000đ đã tạm nộp theo biên lai thu số 0000533 ngày 03/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/6/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Bình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Bình.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/8/2022). Bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Lâm Bình;
- Công an huyện Lâm Bình;
- Sở T pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh TQ;
- Chi cục THADS huyện Lâm Bình;
- UBND thị trấn L;
- Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Đức Quỳnh

